

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/HNGĐ-ST.

Ngày 21-8-2018.

V/v tranh chấp: “ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Nhung.

Ông Hồ Văn Khang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Phú Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Tố L, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp B, xã Th, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh 5, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp B, xã Th, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Tố L trình bày: Chị và anh 5 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn ngày 21/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Chi, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chị thuê nhà trọ ở Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, đến năm 2013 vợ chồng chị về chung sống cùng nhà cha mẹ của anh 5. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh 5 không quan tâm, lo lắng cho gia đình mà còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị đã một lần nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nH không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, sau khi chung sống lại với nhau vợ chồng chị không hòa hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh 5 vẫn không thay đổi tính tình, vợ chồng gây gổ với nhau nhiều hơn trước, chính vì vậy vợ chồng

không hòa hợp và không thể tiếp tục sống chung nữa nên chị đã thuê nhà trọ sống riêng từ năm 2014 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hàn gắn tình cảm được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh 5.

Về con chung: Chị và anh 5 có hai con là Trần Gia H, sinh ngày 29/01/2002 và Trần Ngân L, sinh ngày 15/6/2009. Do chị thuê nhà trọ sống, không có điều kiện dẫn hai con theo sống cùng nên chị để hai cháu tiếp tục sống với cha, bà nội và các cô. Sau khi ly hôn, chị đồng ý để các con tiếp tục theo sống với cha, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng/cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh 5 không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ anh 5 để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nh anh 5 đều cố tình vắng mặt không có lý do và không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt không có lý do chính đáng mặt dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Tố L đối với anh Trần Thanh 5.

Về con chung: Giao anh 5 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu là Trần Gia H, sinh ngày 29/01/2002 và Trần Ngân L, sinh ngày 15/6/2009. Ghi nhận chị 5 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh 5 đến lần thứ hai mà anh 5 vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh 5 là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh 5 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn năm 2002. Thời gian sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, năm 2015 chị L đã một lần nộp đơn khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu được ly hôn với anh 5 nh không được Tòa án chấp nhận do mâu thuẫn giữa chị và anh 5 chưa đến mức độ trầm trọng và còn sống chung nhà. Tuy nhiên, sau khi bản án có hiệu lực

pháp luật thì cuộc sống vợ chồng của chị L và anh 5 lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn gay gắt nên chị L đã thuê nhà trọ sống từ năm 2014 đến nay. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ anh 5 nhiều lần để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nH anh 5 đều cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Điều đó chứng tỏ anh 5 không có thiện chí hòa giải hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị L. Qua xác minh thực tế chị L và anh 5 đã sống ly thân, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn về tình cảm và không thể hàn gắn được. Xét hôn nhân của chị L và anh 5 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Chị L xin ly hôn với anh 5 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Hai cháu là Trần Gia H, sinh ngày 29/01/2002 và Trần Ngân L, sinh ngày 15/6/2009, hiện đang theo sống với anh 5. Qua xác minh về điều kiện nuôi con, cũng như xem xét nguyện vọng của các con đều muốn tiếp tục theo sống với anh 5. Để các cháu có cuộc sống phát triển bình thường và thuận tiện cho việc học tập cần để các cháu tiếp tục theo sống với anh 5. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao hai con chung của chị L và anh 5 cho anh 5 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Ghi nhận chị L đồng ý có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng; Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Trần Thị Tố L đối với anh Trần Thanh 5. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Tố L và anh Trần Thanh 5.

2. Về nuôi con chung:

- Giao hai con chung: Cháu Trần Gia H, sinh ngày 29/01/2002 và cháu Trần Ngân L, sinh ngày 15/6/2009 cho anh 5 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Ghi nhận chị L đồng ý có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu L số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng/cháu, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu H, cháu L đủ 18 tuổi.

- Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con nH được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị L đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009913 ngày 19/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị L còn phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh 5 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Phước Chỉ;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Tài

